

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Ông **Võ Văn Chính**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kha L** – sinh ngày: 13/12/1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lâm Văn N** - sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kha L có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 27/01/2023 chị Huỳnh Thị Kha L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn N do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh N. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con. Chị và anh N đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nghĩa.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 09/02/2008 và Lâm Thị Yến N, sinh ngày 17/7/2009. Hiện nay cháu D và cháu

N đang sống chung với anh N. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu D và cháu N, các con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu trường hợp cháu D và cháu N muốn sống với anh N thì chị đồng ý giao cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu N. Chị tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.000.000đ và cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu D và cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh N không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kha L.

Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kha L được ly hôn với anh Lâm Văn N.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kha L và anh Lâm Văn N có hai con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 09/02/2008 và Lâm Thị Yến N, sinh ngày 17/7/2009. Giao cháu Lâm Khánh D và cháu Lâm Thị Yến N cho anh Lâm Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.000.000đ và cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu D và cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Kha L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lâm Văn N vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Huỳnh Thị Kha L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lâm Văn N vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kha L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị L và bị đơn anh N, anh N có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị L có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị L. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh N vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 02/5/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị L trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 16 năm đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Nghĩa không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con. Chị L và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn với anh N, anh N vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 09/02/2008 và Lâm Thị Yên N, sinh ngày 17/7/2009. Hiện nay cháu D và cháu N đang sống chung với anh N. Sau khi ly hôn chị L đồng ý giao cháu D và cháu N cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.000.000đ và cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh N không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu D và cháu

N sống chung với anh N và tại bảng khai ý kiến cùng ngày 29/3/2023 của cháu D và cháu N thì cháu D và cháu N có nguyện vọng sống với anh N, anh N vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L nên giao cháu D và cháu N cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.000.000đ và cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu D và cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kha L.

Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kha L được ly hôn với anh Lâm Văn N.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kha L và anh Lâm Văn N có hai con chung tên Lâm Khánh D, sinh ngày 09/02/2008 và Lâm Thị Yến N, sinh ngày 17/7/2009. Giao cháu Lâm Khánh D và cháu Lâm Thị Yến N cho anh Lâm Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị Huỳnh Thị Kha L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lâm Khánh D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) và cháu Lâm Thị Yến N mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Lâm Khánh D và cháu Lâm Thị Yến N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 16/5/2023. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Kha L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lâm Văn N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Huỳnh Thị Kha L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lâm Văn N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kha L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Huỳnh Thị Kha L đã nộp theo biên lai thu số N⁰0009118, ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc chị Huỳnh Thị Kha L phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Mẫn